

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2017

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Nguyễn Mạnh Cường**.

+ Bà **Vương Thị Thu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Kim Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N** - Sinh năm 1990 (có mặt).

Trú tại: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh P.

2. Bị đơn: Anh **Vi Đức A** - Sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú tại: Khu 4, xã K, huyện T, tỉnh P.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Trại giam N, huyện Đ, tỉnh Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là **chị Hoàng Thị N**:

Chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Đức A, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Cụ thể theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N trình bày: Chị và anh Vi Đức A tự nguyện kết hôn với nhau ngày 10/11/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung cùng với gia đình anh A được một thời gian, quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh A mãi chơi, có quan hệ ngoại tình, không quan tâm trách nhiệm đến gia đình, tính cách cũng

không hòa hợp nên cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2014, anh A phạm tội bị kết án 17 năm tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam N (thuộc huyện Đ, tỉnh Đ). Do quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc, bản thân anh A lại phải chấp hành án phạt tù quá lâu nên tình cảm của chị đối với anh A không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Đức A.

Về con chung: Chị và anh Vi Đức A có với nhau 01 con chung là Vi Hoàng Uyên N - Sinh ngày 23/6/2012, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh A tại xã K, huyện T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh A không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn là anh **Vi Đức A** hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam N (thuộc huyện Đ, tỉnh Đ). Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đ lấy lời khai của anh A. Cụ thể anh A có lời khai trình bày như sau: Anh và chị Hoàng Thị N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 10/11/2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh P. Nay chị N có yêu cầu được ly hôn với những lý do như chị N đã trình bày anh cũng nhất trí việc ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có với nhau 01 con chung là Vi Hoàng Uyên N - Sinh ngày 23/6/2012, hiện đang ở với bố mẹ đẻ anh tại xã K, huyện T. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung của anh với chị N cho bố, mẹ đẻ anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh xác nhận không có nên không có yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, do đang phải chấp hành án tại Trại giam N (thuộc huyện Đ, tỉnh Đ) nên anh Vi Đức A không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đ làm việc với anh Vi Đức A và anh A đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Về quan điểm, yêu cầu của anh A đã được thể hiện trong biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2017 tại Trại giam N. Vì vậy việc Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Vi Đức A kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của chị N, anh A thấy rằng:

Chị Hoàng Thị N và anh Vi Đức A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị N và anh A là hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, anh A lại đang phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài nên vợ chồng không thể cùng nhau chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt khó có thể hàn gắn vì vậy mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh A có với nhau 01 con chung là Vi Hoàng Uyên N - Sinh ngày 23/6/2012, hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh A (bố đẻ anh A là Vi Văn H) tại khu 4, xã K, huyện T, tỉnh P. Hiện nay con chung còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ, bản thân anh A lại đang phải chấp hành án vì vậy để cho việc chăm sóc con chung tốt nhất, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con chung nên yêu cầu của chị N về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là chính đáng được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của anh A về việc giao con chung cho bố mẹ đẻ anh nuôi dưỡng: Như đã nêu trên thì con chung còn nhỏ cần được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình thì việc ông bà nội, ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu chỉ đặt ra khi không có người nuôi dưỡng hoặc người đó không đủ điều kiện nuôi dưỡng nhưng vì hiện chị N là mẹ đẻ có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con vì vậy không chấp nhận yêu cầu này của anh A.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N tự nguyện không yêu cầu và anh A hiện đang phải chấp hành án phạt tù, không có khả năng cấp dưỡng nên trong vụ án này không buộc anh A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị N và anh A đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã xác định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên cũng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị **Hoàng Thị N** và anh **Vi Đức A** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Vi Hoàng Uyển N** - Sinh ngày 23/6/2012 (hiện đang ở cùng bố, mẹ đẻ anh A) tại khu 4, xã K, huyện T, tỉnh P. Anh Vi Đức A không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị N và anh A xác nhận không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0003898 ngày 23 tháng 6 năm 2017.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn